| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN GIA LÂM | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 187 /KH-UBND | *Gia Lâm, ngày 17 tháng 5 năm 2024* |

# KẾ HOẠCH
## Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024 - 2025 trên địa bàn huyện Gia Lâm

Căn cứ các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT): Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019;

Căn cứ Kế hoạch số 150/KH-BCĐ ngày 14/5/2024 của Ban chỉ đạo thi, tuyển sinh năm 2024 về tổ chức thi, tuyển sinh vào lớp 10 THPT và tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 thành phố Hà Nội năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 963/SGDĐT-QLT ngày 03/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024-2025;

Theo Kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn huyện; UBND huyện Gia Lâm ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2024-2025 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

### A. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập một năm trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.

2. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở một

số trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học; giảm số học sinh trái tuyến, giảm số học sinh/lớp; tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày.

4. Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

5. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp; thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

**B. NỘI DUNG**

**I. Tuyển sinh vào các trường mầm non (MN)**

***1. Yêu cầu về tuyển sinh***

1.1. Các trường thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh, tuyến tuyển sinh, thời gian tuyển sinh trẻ MN ở từng độ tuổi và tổ chức tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư theo quy định.

1.2. Phối hợp với UBND xã, thị trấn; các đơn vị khác trên địa bàn, dưới sự chỉ đạo của UBND xã, thị trấn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các tổ dân phố, thôn, xóm về công tác tuyển sinh trong đó nêu rõ chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh ở từng độ tuổi để cha mẹ của trẻ hiểu rõ, tránh gây áp lực cho công tác tuyển sinh, đưa trẻ đến trường nhập học theo đúng độ tuổi và tuyến tuyển sinh quy định. Đảm bảo phổ cập giáo dục MN cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn.

1.3. Về số trẻ trong một nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ trường MN. Trường hợp số trẻ trên địa bàn đăng ký học vượt quá quy định tại Điều 15 thì số trẻ trong mỗi nhóm, lớp có thể tăng thêm nhưng phải đảm bảo được tỷ lệ số giáo viên/trẻ/nhóm, lớp theo quy định tại Điều lệ và diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đảm bảo theo qui định.

***2. Hồ sơ tuyển sinh***

- Phiếu đăng ký dự tuyển (*theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

***3. Thời gian tuyển sinh***

- Tuyển sinh trực tuyến trẻ 5 tuổi vào trường MN: Từ ngày 04/7/2024 đến hết ngày 06/7/2024;

- Tuyển sinh trực tiếp: Từ ngày 13/7/2024 đến hết ngày 18/7/2024.

***4. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh*** (*đính kèm phụ lục PL1a-tktsMN*)

**II. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6**

***1. Đối tượng dự tuyển:***

1.1. Lớp 1: Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (*sinh năm 2018*). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

1.2. Lớp 6: những HS đã hoàn thành chương trình tiểu học.

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (*sinh năm 2013*)

- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học.

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi qui định.

***2. Hồ sơ tuyển sinh:***

- Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 1, lớp 6 (*theo mẫu do trường tuyển sinh phát hành*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (*nếu có*).

***3. Thời gian tuyển sinh***

- Tuyển sinh trực tuyến vào lớp 1: Từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 03/7/2024.

- Tuyển sinh trực tuyến vào lớp 6: Từ ngày 07/7/2024 đến hết ngày 09/7/2024.

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 13/7/2024 đến hết ngày 18/7/2024.

***4. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh*** (đính kèm phụ lục PL1b_tkts1 và phụ lục PL1c_tkts6)

**C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**I. Phân công trách nhiệm**

***1. Phòng Giáo dục và Đào tạo***

1.1. Chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp giữa UBND các xã, thị trấn với các nhà trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; rà soát danh sách xã, tổ thôn, các khu dân cư, đô thị mới để đề nghị bổ sung, sửa đổi phục vụ phân tuyến tuyển sinh trên hệ thống phần mềm tuyển sinh; phân tuyến tuyển sinh hợp lý trên địa bàn, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là một cơ sở để Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

1.2. Tổng hợp kế hoạch tuyển sinh của các trường trên địa bàn, tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch tuyển sinh theo hướng dẫn của Sở GDĐT, báo cáo Sở GDĐT về kế hoạch tuyển sinh đã được UBND huyện phê duyệt.

1.3. Triển khai kế hoạch tuyển sinh. Tổ chức hướng dẫn công tác tuyển sinh cho Hiệu trưởng các trường trên địa bàn.

1.4. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường.

1.5. Công khai việc phân tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS trên cổng thông tin điện tử của Ngành và phối hợp với UBND xã, thị trấn tuyên truyền, công khai trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường trên địa bàn.

1.6. Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến của các trường trên địa bàn, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao; đảm bảo số học sinh/lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn quốc gia.

1.7. Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các phòng, ban, ngành và tham mưu UBND huyện về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên, xây dựng thêm trường và phòng học (đối với những địa phương chưa đủ phòng học theo quy định), tăng cường CSVC cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng,

nâng cao độ đồng đều giữa các trường. Không để xảy ra hiện tượng quá tải ở một số trường.

1.8. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024-2025 trên địa bàn. Tiếp tục có biện pháp chỉ đạo các trường nhằm tăng cường tỷ lệ tuyển sinh trực tuyến. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về công tác tuyển sinh.

1.9. Tham mưu UBND huyện chỉ đạo Công an trên địa bàn chủ động phối hợp với các trường trong công tác tuyển sinh; có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các trường được chính xác và khoa học.

***2. Các trường MN, TH, THCS***

2.1. Chủ động phối hợp với UBND và Công an xã, thị trấn trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh; chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp với điều kiện nhà trường và báo cáo về Phòng GDĐT. Tham gia đầy đủ Hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh do Sở GDĐT, phòng GDĐT tổ chức hướng dẫn.

2.2. Thông báo công khai tại trường tuyển tuyển sinh do UBND huyện quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGD ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*công khai về cam kết chất lượng GDĐT, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính*).

2.3. Hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh tự kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh, trong đó có thông tin về cư trú của học sinh (*gồm số định danh cá nhân của học sinh, nơi thường trú, nơi ở hiện tại...theo mãu M01*); không yêu cầu phải cung cấp Giấy xác nhận thông tin cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân của học sinh.

2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về tuyển sinh trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 để cung cấp thông tin về cư trú cho học sinh (*sử dụng VNeID của bố hoặc mẹ hoặc thành viên hộ gia đình có học sinh đăng ký tuyển sinh*).

2.5. Chuẩn bị cơ sở vật chất; thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến của trường.

2.6. Thành lập Hội đồng tuyển sinh của trường trình Trưởng phòng GDĐT huyện ra Quyết định thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng, thư ký và một số ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo khách quan, công khai và công bằng, tuyển đúng chỉ tiêu được giao.

2.7. Tổ chức cấp Mã tuyển sinh cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh, hướng dẫn cha mẹ học sinh kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin Mã tuyển sinh và mật khẩu; đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa sổ điểm điện tử với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ xử lý những khó khăn của học sinh, cha mẹ học sinh về Mã tuyển sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định.

2.8. Tổ chức tuyển sinh:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: họ tên, ngày sinh, nơi sinh, số định danh cá nhân…trong Giấy khai sinh, Học bạ (*đối với lớp 6*). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tuyển sinh phải ghi xác nhận vào mặt sau bản sao Giấy khai sinh ***"Đã kiểm tra khớp thông tin học sinh với bản chính hồ sơ tuyển sinh"***, sau đó ký và ghi rõ họ tên; Hiệu trưởng ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên.

b) Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường.

c) Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

2.9. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường phân công các thành viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho cha mẹ học sinh.

2.10. Bảo mật thông tin cá nhân của các học sinh dự tuyển năm học 2024-2025 và thông tin các học sinh khác của nhà trường theo quy định.

2.11. Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, gửi kết quả tuyển sinh cho UBND xã, thị trấn và báo cáo với phòng GDĐT.

***3. Công an huyện***

3.1. Chỉ đạo Công an các xã, thị trấn chủ động phối hợp với các nhà trường trong công tác tuyển sinh; có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất, tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các nhà trường được chính xác và khoa học.

3.2. Chỉ đạo Công an các xã, thị trấn phối hợp, tạo điều kiện cho các nhà trường tổ chức điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn đảm bảo chính xác, làm cơ sở để phân tuyến tuyển sinh một cách khoa học. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được Công an xã, thị trấn xác thực (*theo mẫu M02*) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là một cơ sở để Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

3.3. Tăng cường phối hợp với Phòng GDĐT trong công tác kiểm tra về tuyển sinh trên địa bàn; đảm bảo công tác tuyển sinh trên địa bàn được ổn định, an toàn, khách quan, minh bạch.

***4. Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện***

4.1. Phối hợp trong công tác điều tra số trẻ trên địa bàn, xác nhận kế hoạch tuyển sinh của các trường; giám sát công tác tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã, thị trấn.

4.2. Có trách nhiệm tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác tuyển sinh, phối hợp với các ngành đảm bảo an ninh, trật tự trong thời gian tuyển sinh.

**II. Lịch triển khai và chế độ báo cáo**

| Thời gian | Đơn vị | Nội dung |
|---|---|---|
| Trước 15/4 | Trường MN, TH, THCS | Rà soát, hoàn thiện thông tin học sinh phục vụ tuyển sinh trên hệ thống tuyển sinh trực tuyến (Số định danh cá nhân của học sinh, họ tên, ngày sinh, nơi sinh, hộ khẩu thường trú, nơi cư trú thực tiễn…) |
| Chậm nhất 26/4 | Trường MN, TH, THCS | Hoàn thiện công tác điều tra cơ bản số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh (*theo mẫu M02*) |
| Ngày 05/5 | Trường MN, TH, THCS | Gửi công văn đề nghị Danh sách hội đồng tuyển sinh về Phòng GDĐT |
| Trước 10/5 | Trường MN, TH, THCS | Nộp kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 và danh sách học sinh trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn (*theo mẫu M02*) về Phòng GDĐT |

| | | |
|---|---|---|
| Ngày 18/5 | Trường MN, TH, THCS | Nhận tại Phòng GDĐT Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh đã được UBND Huyện phê duyệt. |
| Trước 25/5 | Trường MN, TH, THCS | Hoàn thành cấp mã Tuyển sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh |
| Ngày 25/5 | Phòng GDĐT | Hoàn thành cập nhật phân tuyến và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường trên địa bàn vào hệ thống tuyển sinh trực tuyến; tổ chức kiểm dò, in, ký xác nhận và nộp Sở GDĐT.<br>Báo cáo về Sở GDĐT Kế hoạch tuyển sinh của huyện. |
| Từ 26/5 đến 12/7 | Trường ngoài công lập | Tổ chức tuyển sinh và cập nhật trực tiếp hồ sơ học sinh lên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến. |
| Từ 10/6-12/6 | Sở GDĐT, Phòng GDĐT | Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến (*lần 1*) |
| Trước 15/6 | Phòng GDĐT | Hoàn thiện cập nhật điều chỉnh phân tuyến, chỉ tiêu trong hệ thống tuyển sinh (nếu có) |
| Từ 16/6-18/6 | Sở GDĐT, Phòng GDĐT, các trường, CMHS | Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn Thành phố (*lần 2*)<br>Sở GDĐT đóng hệ thống tuyển sinh trực tuyến từ 19/6 đến 30/6 để chuẩn bị vận hành chính thức. |
| Từ 01/7-09/7 | Trường MN, TH, THCS | **Tuyển sinh trực tuyến:**<br>- Tuyển sinh vào lớp 1: từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 03/7/2024.<br>- Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: từ ngày 04/7/2024 đến hết ngày 06/7/2024.<br>- Tuyển sinh vào lớp 6: từ ngày 07/7/2024 đến hết ngày 09/7/2024. |
| Từ 13/7-18/7 | Trường MN, TH, THCS | Tuyển sinh trực tiếp vào các trường MN, lớp 1, lớp 6 |
| Chậm nhất Ngày 19/7 | Trường MN, TH, THCS | - Phối hợp với Công an cấp xã trên địa bàn hoàn thành việc xác minh thông tin cư trú của học sinh cần xác minh.<br>- Báo cáo phòng GDĐT kết quả tuyển sinh; đề xuất được tuyển bổ sung nếu còn chỉ tiêu. |
| Ngày 20/7 | Phòng GDĐT | - Phê duyệt đề xuất tuyển sinh bổ sung.<br>- Báo cáo nhanh Sở GDĐT kết quả tuyển sinh; đề xuất tuyển sinh bổ sung cho các trường còn chỉ tiêu. |

| | | |
|---|---|---|
| Từ 21/7-22/7 | Trường MN, TH, THCS | Tuyển sinh trực tiếp vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 (*đợt bổ sung - nếu có*). |
| Chậm nhất Ngày 23/7 | Trường MN, TH, THCS | Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh vào phần mềm sổ điểm điện tử. |
| Ngày 26/7 | Trường MN, TH, THCS | Nộp Phòng GDĐT báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh. |
| Ngày 31/7 | Phòng GDĐT | Nộp Sở GDĐT báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh. |

Trên đây là kế hoạch tuyển sinh vào các trường MN, lớp 1, lớp 6 trên địa bàn huyện Gia Lâm năm học 2024-2025. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi có những vấn đề vướng mắc, Thủ trưởng các đơn vị cần báo cáo về UBND huyện (qua phòng GDĐT) để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời./.

***Nơi nhận:***
- Sở GDĐT Hà Nội;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- Công an huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các bộ phận phòng GDĐT;
- HĐTS trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, PGDĐT.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trương Văn Học**

UBND HUYỆN GIA LÂM

PL1a-tktsMN

# GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYẾN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM HỌC 2024-2025

*(Kèm theo Kế hoạch số ..187.../KH-UBND ngày 17./..5.../2024 của UBND huyện Gia Lâm)*

| Loại hình | TT | Tên trường MN | Số trẻ qua điều tra trên địa bàn | | | | | Số trẻ hiện có trong trường của năm học 2023-2024 | | | | | Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2024-2025 | | | | | Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ….) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | *NT* | *Trẻ 3 tuổi* | *Trẻ 4 tuổi* | *Trẻ 5 tuổi* | *Tổng* | *NT* | *MG 3 tuổi* | *MG 4 tuổi* | *MG 5 tuổi* | *Tổng* | *NT* | *Trẻ 3 tuổi* | *Trẻ 4 tuổi* | *Trẻ 5 tuổi* | *Tổng* | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* |
| Công lập | 1 | Phù Đổng | 196 | 201 | 224 | 227 | 848 | 0 | 100 | 186 | 200 | 486 | 75 | 25 | 10 | 5 | 115 | xã Phù Đổng |
| | 2 | Trung Mầu | 82 | 107 | 108 | 124 | 421 | 16 | 65 | 93 | 77 | 251 | 40 | 25 | 12 | 11 | 88 | Xã Trung Mầu |
| | 3 | TT Yên Viên | 103 | 122 | 147 | 171 | 543 | 0 | 66 | 106 | 105 | 277 | 53 | 15 | 20 | 8 | 96 | Tổ Ga, Tổ Vân, Tổ Liên Cơ, Yên Hà, Tiền Phong, Yên Tân TT Yên Viên |
| | 4 | Ánh Dương | 125 | 120 | 127 | 126 | 498 | 0 | 55 | 90 | 99 | | 55 | 30 | 30 | 6 | | Xã Yên Viên: Thôn Cống Thôn, Kim Quan, Hồ Cầu Đuống, Cơ Khí Yên Viên; TT Yên Viên: TDP Ga, Thái Bình, Đuống I, Đuống II. |
| | 5 | Hoa Sữa | 105 | 122 | 119 | 101 | 447 | 0 | 32 | 68 | 68 | 168 | 55 | 70 | 22 | 2 | 149 | Thôn Ái Mộ, Yên Viên, Lã Côi, Bưu Điện, Địa Chất, Hồ Cầu Đuống, Đàu Máy, Hóa Chất xã |
| | 6 | Đình Xuyên | 174 | 172 | 182 | 194 | 722 | 5 | 75 | 141 | 166 | 387 | 75 | 50 | 10 | 5 | 140 | Xã Đình Xuyên |
| | 7 | Dương Hà | 90 | 103 | 124 | 109 | 426 | 10 | 70 | 93 | 98 | 271 | 45 | 39 | 27 | 3 | 114 | xã Dương Hà |
| | 8 | Yên Thường | 125 | 126 | 133 | 125 | 509 | 14 | 66 | 99 | 124 | 303 | 70 | 45 | 25 | 8 | 148 | Thôn Xuân Dục, Yên Khê, Liên đàm, Lại Hoàng xã Yên Thường |
| | 9 | Hoa Hồng | 59 | 89 | 121 | 140 | 409 | 0 | 56 | 113 | 121 | 290 | 55 | 28 | 15 | 3 | 101 | Thôn Đình Vỹ, Đỗ Xá, Yên Thường, Quy Mông, Trùng Quán, Dốc Lã xã Yên Thường |
| | 10 | Ninh Hiệp | 153 | 171 | 190 | 198 | 712 | 25 | 82 | 124 | 113 | 344 | 50 | 58 | 41 | 7 | 156 | Thôn 1,2,3,4,5,6 xã Ninh Hiệp |

| Loại hình | TT | Tên trường MN | Số trẻ qua điều tra trên địa bàn | | | | | Số trẻ hiện có trong trường của năm học 2023-2024 | | | | | Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2024-2025 | | | | | Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | *NT* | *Trẻ 3 tuổi* | *Trẻ 4 tuổi* | *Trẻ 5 tuổi* | *Tổng* | *NT* | *MG 3 tuổi* | *MG 4 tuổi* | *MG 5 tuổi* | *Tổng* | *NT* | *Trẻ 3 tuổi* | *Trẻ 4 tuổi* | *Trẻ 5 tuổi* | *Tổng* | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* |
| | 11 | Bình Minh | 140 | 166 | 189 | 208 | 703 | 11 | 81 | 113 | 131 | 336 | 64 | 54 | 27 | 5 | 150 | Thôn 5,6,7,8,9 xã Ninh Hiệp |
| | 12 | Dương Xá | 152 | 219 | 212 | 185 | 768 | 0 | 90 | 158 | 167 | 415 | 80 | 50 | 27 | 8 | 165 | Xã Dương Xá |
| | 13 | Kim Sơn | 187 | 212 | 205 | 210 | 814 | 0 | 70 | 190 | 200 | 460 | 60 | 30 | 10 | 5 | 105 | Xã Kim Sơn |
| | 14 | Dương Quan | 112 | 180 | 195 | 210 | 697 | | 104 | 179 | 171 | 454 | 80 | 76 | 21 | 10 | 187 | Xã Dương Quang |
| | 15 | Phú Thị | 102 | 128 | 170 | 152 | 552 | 16 | 85 | 123 | 126 | 350 | 65 | 50 | 32 | 8 | 155 | Xã Phú Thị |
| | 16 | Cổ Bi | 206 | 209 | 197 | 242 | 854 | 0 | 87 | 150 | 125 | 362 | 80 | 45 | 25 | 10 | 160 | Thôn Cam 1, Cam 2, Vàng 1, Vàng 2, Hội, TDP Cơ khí xã Cổ Bi |
| | 17 | Trâu Quỳ | 154 | 288 | 359 | 398 | 1199 | 0 | 90 | 147 | 175 | 412 | 80 | 30 | 20 | 20 | 150 | TDP Chính Trung, An Lạc, Thành Trung, Kiên Thành, Cửu Việt, Nông Lâm TT Trâu Quỳ |
| | 18 | Quang Trung | 84 | 95 | 85 | 81 | 345 | 5 | 46 | 84 | 117 | 252 | 48 | 10 | 15 | 3 | 76 | TDP Cửu Việt, Nông Lâm, An Đào, Đào Nguyên TT Trâu Quỳ |
| | 19 | Đặng Xá | 287 | 290 | 309 | 375 | 1261 | 33 | 98 | 133 | 150 | 414 | 50 | 42 | 17 | 10 | 119 | Các thôn trong xã Đặng Xá |
| | 20 | Ánh Sao | 287 | 290 | 309 | 375 | 1261 | 0 | 46 | 112 | 170 | 328 | 28 | 37 | 50 | 40 | 155 | Khu đô thị Đặng Xá xã Đặng Xá |
| | 21 | Hoa Phượng | 148 | 152 | 165 | 218 | 683 | 7 | 54 | 80 | 108 | 249 | 49 | 10 | 15 | 10 | 84 | TDP Voi Phục, TDP Kiên Trung, TDP Bình Minh, TDP Khu ĐT Đặng Xá thuộc xã Cổ Bi |
| | 22 | Lệ Chi | 158 | 165 | 177 | 190 | 690 | 11 | 119 | 161 | 154 | 445 | 99 | 20 | 29 | 11 | 159 | Xã Lệ Chi |
| | 23 | Văn Đức | 87 | 112 | 136 | 124 | 459 | 40 | 105 | 108 | 113 | 366 | 70 | 10 | 12 | 3 | 95 | Xã Văn Đức |
| | 24 | Đa Tốn | 209 | 302 | 300 | 374 | 1185 | 0 | 130 | 180 | 216 | 526 | 83 | 20 | 5 | 6 | 114 | Xã Đa Tốn |
| | 25 | Đông Dư | 102 | 110 | 132 | 146 | 490 | 0 | 79 | 124 | 103 | 306 | 70 | 45 | 17 | 10 | 142 | Xã Đông Dư |
| | 26 | Bát Tràng | 106 | 130 | 140 | 196 | 572 | 0 | 65 | 133 | 150 | 348 | 90 | 60 | 34 | 13 | 197 | Xã Bát Tràng |
| | 27 | Kim Lan | 98 | 99 | 108 | 115 | 420 | 21 | 70 | 95 | 87 | 273 | 100 | 20 | 10 | 15 | 145 | Xã Kim Lan |

| Loại hình | TT | Tên trường MN | Số trẻ qua điều tra trên địa bàn | | | | | Số trẻ hiện có trong trường của năm học 2023-2024 | | | | | Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2024-2025 | | | | | Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | *NT* | *Trẻ 3 tuổi* | *Trẻ 4 tuổi* | *Trẻ 5 tuổi* | *Tổng* | *NT* | *MG 3 tuổi* | *MG 4 tuổi* | *MG 5 tuổi* | *Tổng* | *NT* | *Trẻ 3 tuổi* | *Trẻ 4 tuổi* | *Trẻ 5 tuổi* | *Tổng* | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* |
| | 28 | Kiêu Kỵ | 110 | 174 | 222 | 227 | 733 | 23 | 73 | 106 | 131 | 333 | 60 | 15 | 26 | 9 | 110 | Xã Kiêu Kỵ |
| **Tổng Công lập** | | | **3941** | **4654** | **5085** | **5541** | **19221** | **237** | **2159** | **3489** | **3765** | **9406** | **1829** | **1009** | **604** | **254** | **3575** | |
| **Ngoài CL** | 1 | TT Ban Mai | | | | | | 36 | 22 | 19 | 25 | 102 | 20 | 20 | 10 | 10 | 60 | |
| | 2 | TT Hoa Sen | | | | | | 29 | 7 | 15 | 11 | 62 | 15 | 16 | 15 | 10 | 56 | |
| | 3 | TT Hoa Hồng | | | | | | 20 | 34 | 32 | 62 | 148 | 12 | 10 | 10 | 10 | 42 | |
| | 4 | MN A- Đxá | | | | | | 10 | 0 | 0 | 10 | 20 | 12 | 20 | 30 | 30 | 92 | |
| | 5 | TT Sao Mai | | | | | | 44 | 34 | 21 | 23 | 122 | 10 | 10 | 15 | 20 | 55 | |
| | 6 | Vinshool Ocean park | | | | | | 39 | 90 | 76 | 145 | 350 | 60 | 70 | 65 | 55 | 250 | |
| | | Vinshool Ocean park | | | | | | 108 | 132 | 113 | 168 | 521 | 60 | 50 | 50 | 50 | 210 | |
| **Tổng Ngoài CL** | | | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **286** | **319** | **276** | **444** | **1325** | **189** | **196** | **195** | **185** | **555** | |
| **Tổng Huyện** | | | **3941** | **4654** | **5085** | **5541** | **19221** | **523** | **2478** | **3765** | **4209** | **10731** | **2018** | **1205** | **799** | **439** | **4130** | |

UBND HUYỆN GIA LÂM

*PL1b-tkts1*

# GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYẾN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2024-2025

*(Kèm theo kế hoạch số 187/KH-UBND, ngày .17./..5../2024 của UBND huyện Gia Lâm)*

| Loại hình | TT | Tên trường | Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn | Chỉ tiêu | | Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ….) | Số HS/Lớp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số lớp | Số HS | | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| Công lập | 1 | TH Yên Thường | 184 | 5 | 184 | Thôn Yên Thường, Dốc Lã, Quy Mông, Trùng Quán, Yên Khê, Đình Vỹ, Đỗ Xá xã Yên Thường | 36,8 | |
| | 2 | TH Quang Trung | 140 | 3 | 140 | Thôn Xuân Dục, Liên Đàm, Lại Hoàng xã Yên Thường | 46,7 | |
| | 3 | TH Yên Viên | 125 | 3 | 109 | Thôn Lã Côi (TT Hóa chất, Tập thể Đầu máy, TT Bộ đội), thôn Yên Viên, thôn Ái Mộ, TDP Bưu điện, TDP Địa chất, Khu tái định cư tổ Yên Hà xã | 36,3 | |
| | 4 | TH TT Yên Viên | 182 | 6 | 182 | TDP Yên Tân, Tiền Phong, Vân, Liên Cơ, Yên Hà TT Yên Viên; TDP Yên Bình xã Đình Xuyên | 30,3 | |
| | 5 | TH Tiền Phong | 210 | 6 | 210 | Thôn Kim Quan, Thôn Cống Thôn, TDP Cơ khí Yên Viên, TDP Hồ Cầu Đuống xã Yên Viên; TDP Thái Bình, Ga, Đuống 1, Đuống 2 TT Yên Viên. | 35 | |
| | 6 | TH Đình Xuyên | 164 | 4 | 164 | Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn Tế Xuyên 1, Thôn Tế Xuyên 2 xã Đình Xuyên | 41 | |
| | 7 | TH Dương Hà | 113 | 3 | 113 | Xã Dương Hà | 37,7 | |
| | 8 | TH Lê Ngọc Hân | 162 | 5 | 160 | Thôn 6,7,8,9 Xã Ninh Hiệp | 32 | |
| | 9 | TH Ninh Hiệp | 183 | 5 | 160 | Thôn 1,2,3,4,5 xã Ninh Hiệp | 32 | |
| | 10 | TH Phù Đổng | 215 | 6 | 215 | Thôn Phù Dực 1, Phù Dực 2, Phù Đổng 1, Phù Đổng 2, Phù Đổng 3, Đổng Viên | 35,8 | |
| | 11 | TH Trung Mầu | 90 | 3 | 90 | Xã Trung Mầu | 30 | |
| | 12 | TH Lệ Chi | 162 | 4 | 162 | Xã Lệ Chi | 40,5 | |
| | 13 | TH Kim Sơn | 235 | 6 | 235 | Xã Kim Sơn, Đường 181 | 39,2 | |
| | 14 | TH Dương Quang | 207 | 5 | 207 | Xã Dương Quang | 41,4 | |
| | 15 | TH Phú Thị | 155 | 4 | 155 | Xã Phú Thị và Khu Công nghiệp Phú Thị | 38,8 | |
| | 16 | TH Dương Xá | 238 | 6 | 238 | Xã Dương Xá | 39,7 | |

| Loại hình | TT | Tên trường | *Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn* | Chỉ tiêu | | Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ….) | Số HS/Lớp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Số lớp* | *Số HS* | | | |
| | 17 | TH Đặng Xá | 155 | 4 | 155 | Thôn Kim Âu, An Đà, Cự Đà, Đặng, Lở, Lời, Đồng Xuyên, Hoàng Long, Viên Ngoại, Nhân Lễ xã Đặng Xá | 38,8 | |
| | 18 | TH Cổ Bi | 142 | 4 | 142 | Thôn Cam, Vàng, Hội, TDP cơ khí, TT230, TT Hồng Hà, TT Cầu 12 xã Cổ Bi | 35,5 | |
| | 19 | TH Trung Thành | 134 | 4 | 134 | TDP Khu đô thị Đặng xá thuộc xã Cổ Bi, TDP Binh Minh, Voi Phục thuộc TT Trâu Quỳ | 33,5 | |
| | 20 | TH Cao Bá Quát | 298 | 7 | 298 | Tổ dân phố khu đô thị Đặng xã thuộc xã Đặng Xá | 42,6 | |
| | 21 | TH Kiêu Kỵ | 210 | 6 | 210 | Xã Kiêu Kỵ | 35 | |
| | 22 | TH Đa Tốn | 541 | 10 | 440 | Xã Đa Tốn | 44 | |
| | 23 | TH TT Trâu Quỳ | 210 | 5 | 210 | TDP: Cửu Việt, Đào Nguyên, Chính Trung, Kiên Thành, Khu 72ha dốc Hội Chính Trung, toà Ru By Vin Ocaen Park thuộc thị trấn Trâu Quỳ, Chung cư Blusta thị trấn Trâu Quỳ | 42 | |
| | 24 | TH Nông Nghiệp | 231 | 5 | 231 | TDP: Nông Lâm, Vườn Dâu, An Đào, An Lạc, Thành Trung, toà S10,11,12 Vin Ocaen Park thị trấn Trâu Quỳ | 46,2 | |
| | 25 | TH Đông Dư | 106 | 3 | 106 | xã Đông Dư | 35,3 | |
| | 26 | TH Bát Tràng | 220 | 5 | 220 | Xã Bát Tràng | 44 | |
| | 27 | TH Kim Lan | 89 | 3 | 96 | xã Kim Lan | 32 | |
| | 28 | TH Văn Đức | 130 | 3 | 129 | Xã Văn Đức | 43 | |
| | **Tổng C.lập** | | **5231** | **133** | **5095** | | **38,3** | |
| **Ngoài CL** | 1 | TH&THCS Hanoi Victoria | | 4 | 80 | Toàn Thành phố | 20 | |
| | 2 | TH,THCS&THPT Vinschool Ocean Park | | 12 | 384 | Toàn Thành phố | 32 | |
| | 3 | Brighton College Việt Nam Ocean Park | | 3 | 60 | Toàn Thành phố | 20 | |
| | **Tổng Ngoài CL** | | **0** | **19** | **524** | | **27,6** | |
| **Tổng Quận, Huyện** | | | **5231** | **152** | **5619** | | **37** | |

UBND HUYỆN GIA LÂM

*PL1c-tkts6*

# GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYẾN TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2024-2025

*(Kèm theo kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 17/5/2024 của UBND huyện Gia Lâm)*

| Loại hình | TT | Tên trường | *Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn* | Chỉ tiêu | | Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ….) | Số HS/Lớp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Số lớp* | *Số HS* | | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| **Công lập** | 1 | THCS Lệ Chi | 191 | 5 | 185 | Xã Lệ Chi | 37 | |
| | 2 | THCS Kim Sơn | 264 | 6 | 250 | Xã Kim Sơn | 41,7 | |
| | 3 | THCS Phú Thị | 205 | 5 | 205 | Xã Phú Thị | 41 | |
| | 4 | THCS Dương Quang | 264 | 6 | 264 | Xã Dương Quang | 44 | |
| | 5 | THCS Dương Xá | 279 | 6 | 279 | Xã Dương Xá | 46,5 | |
| | 6 | THCS Đặng Xá | 194 | 5 | 194 | Trên địa bàn xã Đặng Xá gồm: Thôn Đồng Xuyên, Hoàng Long, Viên Ngoại, Nhân Lễ, Lời, Lở, Đặng, An Đà, Cự Đà, Kim Âu | 38,8 | |
| | 7 | THCS Cổ Bi | 282 | 6 | 282 | Các thôn, TDP thuộc địa bàn xã Cổ Bi. TDP Voi Phục, Bình Minh, 1 phần TDP Kiên Thành (TDP Kiên Trung cũ) thuộc thị trấn Trâu Quỳ. | 47 | |
| | 8 | THCS Cao Bá Quát | 350 | 8 | 350 | Các TDP Khu đô thị Đặng Xá thuộc xã Đặng Xá | 44 | |
| | 9 | THCS Văn Đức | 120 | 3 | 120 | Xã Văn Đức | 40 | |
| | 10 | THCS Kim Lan | 120 | 3 | 120 | Xã Kim Lan | 40 | |
| | 11 | THCS Bát Tràng | 192 | 5 | 192 | Xã Bát Tràng | 38,4 | |
| | 12 | THCS Đông Dư | 115 | 3 | 115 | Xã Đông Dư | 38,3 | |
| | 13 | THCS Đa Tốn | 434 | 9 | 434 | Xã Đa Tốn | 48,2 | |
| | 14 | THCS Kiêu Kỵ | 250 | 6 | 250 | Xã Kiêu Kỵ | 41,7 | |
| | 15 | THCS TT Trâu Quỳ | 477 | 11 | 477 | Thị trấn Trâu Quỳ | 43,4 | |

| Loại hình | TT | Tên trường | *Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn* | Chỉ tiêu | | Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ….) | Số HS/Lớp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Số lớp* | *Số HS* | | | |
| | 16 | THCS TT Yên Viên | 405 | 9 | 405 | - 09 TDP thuộc TT Yên Viên: Đuống I, Đuống II, Thái Bình, Ga, Vân, Yên Hà, Yên Tân, Tiền Phong, Liên Cơ<br>- Khu TT nhà máy cơ khí Yên Viên, Khu TT Giầy da Yên Viên, thôn Kim Quan, thôn Cống Thôn thuộc xã Yên Viên<br>- TDP Yên Bình thuộc xã Đình Xuyên | 45 | |
| | 17 | THCS Yên Viên | 150 | 4 | 150 | Thôn Lã Côi, thôn Ái Mộ, thôn Yên Viên, TDP Bưu điện, TDP Địa chất, TDP Hồ cầu Đuống xã Yên Viên | 37,5 | |
| | 18 | THCS Yên Thường | 343 | 7 | 343 | Xã Yên Thường | 49 | |
| | 19 | THCS Đình Xuyên | 159 | 4 | 159 | Xã Đình Xuyên | 39,8 | |
| | 20 | THCS Dương Hà | 125 | 3 | 125 | Xã Dương Hà | 41,7 | |
| | 21 | THCS Ninh Hiệp | 392 | 8 | 392 | Xã Ninh Hiệp | 49 | |
| | 22 | THCS Phù Đổng | 252 | 6 | 252 | Xã Phù Đổng | 42 | |
| | 23 | THCS Trung Mầu | 124 | 3 | 123 | Xã Trung Mầu | 41 | |
| **Tổng công lập** | | | **5687** | **131** | **5666** | | **43,3** | |
| **Ngoài CL** | 1 | TH, THCS & THPT Brighton College Việt Nam - Ocean Park | | 3 | 60 | Tuyển sinh toàn thành phố | 20 | |
| | 2 | TH,THCS HaNoiVictoria | | 2 | 50 | Tuyển sinh toàn thành phố | 25 | |
| | 3 | TH,THCS&THPT Vinschool Ocean Park | | 8 | 320 | Tuyển sinh toàn thành phố | 40 | |
| **Tổng ngoài CL** | | | **0** | **13** | **430** | | **33,1** | |
| **Tổng Quận, Huyện** | | | **5687** | **144** | **6096** | | **42,3** | |